BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 51
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006 là Công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Khu phố Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Quen	Thành viên	
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	
Ông Huỳnh Công Phát	Thành viên	
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/06/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Quen	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Công Phát	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lý Thanh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/06/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 10 tháng 09 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Minh

Số: 382 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được lập ngày 10 tháng 09 năm 2017, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo nội dung được trình bày tại thuyết minh số 35 bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc, Công ty này đang có kết quả kinh doanh lỗ vượt vốn 788,193 tỷ VND, số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.142,9 tỷ VND, các chỉ tiêu này có thể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty này qua đó ảnh hưởng tới khả năng Tổng Công ty thu hồi khoản cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu Công ty này tại ngày 31/12/2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc

Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2434-2013-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.361.035.128.431**	**1.289.305.464.782**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**137.078.404.387**	**152.490.332.014**
111	1. Tiền		31.078.404.387	37.490.332.014
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.000.000.000	115.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.081.355.809.966**	**1.112.531.101.414**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	9.951.606.478	106.766.410.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	25.291.929.529	27.511.093.520
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	758.146.218.639	642.999.401.020
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	301.781.370.680	380.796.927.065
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.815.315.360)	(45.542.730.319)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**10**	**142.563.130.556**	**23.790.796.829**
141	1. Hàng tồn kho		142.773.806.567	23.916.655.675
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(210.676.011)	(125.858.846)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**37.783.522**	**493.234.525**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	37.783.522	170.137.732
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	323.096.793
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.279.319.484.245**	**2.992.879.575.103**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**743.907.212.435**	**477.905.544.464**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	159.322.688.345	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	07	270.969.437.197	169.591.299.652
216	3. Phải thu dài hạn khác	08	313.615.086.893	308.314.244.812
220	**II. Tài sản cố định**		**87.041.645.958**	**91.683.183.942**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	16.110.597.574	18.554.599.382
222	*- Nguyên giá*		*63.981.038.987*	*64.895.683.628*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(47.870.441.413)*	*(46.341.084.246)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	70.931.048.384	73.128.584.560
228	*- Nguyên giá*		*77.963.945.415*	*78.435.464.295*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(7.032.897.031)*	*(5.306.879.735)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**186.800.431.687**	**110.574.815.467**
231	- Nguyên giá		196.791.352.297	118.791.352.297
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(9.990.920.610)	(8.216.536.830)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**701.625.978.641**	**770.265.914.205**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	701.625.978.641	770.265.914.205
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**04**	**1.556.710.063.600**	**1.538.170.747.615**
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.198.505.965.138	788.818.728.854
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		979.113.859.889	1.058.659.359.889
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		505.000.000	505.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(621.414.761.427)	(309.812.341.128)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**3.234.151.924**	**4.279.369.410**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.234.151.924	3.079.369.410
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	1.200.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**4.640.354.612.676**	**4.282.185.039.885**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.869.744.583.993**	**2.424.774.694.113**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**2.250.261.971.961**	**1.835.101.346.981**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	126.404.257.801	17.129.920.256
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	178.487.439.513	18.222.661
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	71.961.750.485	81.675.381.773
314	4. Phải trả người lao động		7.193.322.216	7.293.765.783
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	387.398.560.263	157.841.176.493
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	547.411.644.209	564.803.045.851
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	931.404.997.474	1.006.339.834.164
330	**II. Nợ dài hạn**		**619.482.612.032**	**589.673.347.132**
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	132.231.267.018	467.925.392.845
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	487.251.345.014	121.747.954.287
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.770.610.028.683**	**1.857.410.345.772**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	22	**1.770.610.028.683**	**1.857.410.345.772**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		193.445.858.281	285.964.391.754
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		227.164.170.402	221.445.954.018
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		-	-
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*227.164.170.402*	*221.445.954.018*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**4.640.354.612.676**	**4.282.185.039.885**

Bình Dương, ngày 10 tháng 09 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thế Sự	Trần Nguyên Vũ	Nguyễn Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**24**	**568.061.900.375**	**672.023.951.519**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**568.061.900.375**	**672.023.951.519**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**25**	**376.299.577.538**	**662.306.045.358**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**191.762.322.837**	**9.717.906.161**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	520.232.465.744	461.852.085.043
22	7. Chi phí tài chính	27	414.943.732.745	195.299.195.798
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*102.662.385.358*	*88.833.026.561*
25	8. Chi phí bán hàng		922.015.926	957.286.612
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	29.540.105.716	66.126.030.993
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**266.588.934.194**	**209.187.477.801**
31	11. Thu nhập khác	29	150.017.377	12.259.668.067
32	12. Chi phí khác	30	4.322.537.008	1.191.850
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(4.172.519.631)**	**12.258.476.217**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**262.416.414.563**	**221.445.954.018**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	36.399.824.328	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**226.016.590.235**	**221.445.954.018**

Bình Dương, ngày 10 tháng 09 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thế Sự	Trần Nguyên Vũ	Nguyễn Văn Minh

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		***262.416.414.563***	***221.445.954.018***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.850.828.175	5.164.952.678
03	Các khoản dự phòng		279.959.822.505	118.207.059.997
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.033.243.537)	(18.601.750.915)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(515.199.222.207)	(443.250.334.128)
06	Chi phí lãi vay		102.662.385.358	88.833.026.561
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		***131.656.984.857***	***(28.201.091.789)***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(84.603.144.606)	(94.665.251.926)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(118.857.150.892)	(17.555.002.066)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		131.911.957.006	88.647.421.361
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(22.428.304)	161.681.926
14	Tiền lãi vay đã trả		(114.926.651.420)	(87.301.094.456)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	119.139.366.741
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.452.265.926)	(13.320.766.750)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(56.292.699.285)***	***(33.094.736.959)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.723.476.000)	(68.322.848.368)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.349.200.480
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(377.973.387.545)	(205.034.750.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		161.448.432.381	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(545.629.050.810)	(60.081.690.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		261.865.743.370	296.500.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được		410.998.671.326	313.225.992.022
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(102.013.067.278)***	***(17.567.595.866)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.968.613.950.138	1.059.395.111.461
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.678.045.396.101)	(873.910.371.718)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(147.684.039.552)	(47.395.672.461)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*142.884.514.485*	*138.089.067.282*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(15.421.252.078)**	**87.426.734.457**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**152.490.332.014**	**65.063.597.557**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.324.451	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**03**	**137.078.404.387**	**152.490.332.014**

Bình Dương, ngày 10 tháng 09 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thế Sự	Trần Nguyên Vũ	Nguyễn Văn Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006 là Công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Khu phố Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.350.000.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất xi Măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất kinh doanh hàng may thêu xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản, cây giống, sản phẩm gỗ;
- Kinh doanh xăng dầu các loại;
- Trồng và chế biến mủ cao su;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Sản xuất kinh doanh nước đá;
- Kinh doanh thực phẩm và nước giải khát;
- Chế tạo, thi công, lắp ráp, sửa chữa, bảo trì các hệ thống lạnh, các bình chịu áp lực, điện dân dụng, điện công nghiệp, các hệ thống nước và các loại máy móc;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chăn nuôi và kinh doanh gà con giống, gà thịt, trứng gà thương phẩm và thức ăn gia súc;
- Sản xuất và kinh doanh heo thịt thương phẩm, heo giống;
- Sản xuất, kinh doanh tôm, cá giống, tôm, cá thịt thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu về nông sản và thuỷ sản;
- Dịch vụ thu mua và giết mổ gia súc, gia cầm (heo, bò, gà);
- Kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi (sản phẩm tươi sống và chế biến);
- Sản xuất và kinh doanh các loại trang thiết bị phục vụ chăn nuôi: máng ăn tự động, chuồng lồng chăn nuôi heo gà;
- Cho thuê kho bãi.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

a) Tái cấu trúc các khoản đầu tư

Trong năm 2016, Tổng Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự Án Bình Dương với số tiền là 50 tỷ đồng. Căn cứ Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/08/2016 của Tỉnh Ủy Bình Dương về chủ trương sắp xếp lại các Công ty thành viên trực thuộc Tổng Công ty, quyền đại diện chủ sở hữu vốn tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự Án Bình Dương được chuyển giao cho Tỉnh Ủy, đồng thời phần vốn của Tổng Công ty tại các Công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương từ ngày 01/10/2016.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Ascendas - Protrade từ đối tác Ascendas Vietnam Properties Pte Ltd với tổng giá trị là 18.817.839 USD, nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Ascendas - Protrade sau khi nhận chuyển nhượng là 100%. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 với tổng giá trị 202,402 tỷ đồng làm cho doanh thu tài chính từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tăng mạnh so với năm 2015, lợi nhuận thu được từ hoạt động chuyển nhượng là 145,578 tỷ đồng.

b) Chuyển nhượng đất Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương

Trong năm 2016, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú với tổng giá trị là 525,688 tỷ đồng. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp cơ điện lạnh 3/2	KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất kinh doanh nước đá

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quyết toán tài chính của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.532.964.671	16.245.490.156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.545.439.716	21.244.841.858
Các khoản tương đương tiền	106.000.000.000	115.000.000.000
	137.078.404.387	**152.490.332.014**

Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 07 ngày được gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 0,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	**1.198.505.965.138**	**841.044.923.723**	**(357.461.041.415)**	**788.818.728.854**	**788.818.728.854**	-
- Công ty TNHH Du lịch D&M	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-
- KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd (Vương quốc Campuchia)	62.138.569.749	62.138.569.749	-	62.138.569.749	62.138.569.749	-
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát [1]	-	-	-	19.800.000.000	19.800.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco [1]	-	-	-	11.845.000.000	11.845.000.000	-
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	3.004.000.000	3.004.000.000	-	3.004.000.000	3.004.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương [1]	-	-	-	74.378.814.526	74.378.814.526	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3/2 [2]	-	-	-	56.823.500.000	56.823.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade [3]	572.534.550.810	229.659.608.624	(342.874.942.186)	-	-	-
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	535.328.844.579	520.742.745.350	(14.586.099.229)	535.328.844.579	535.328.844.579	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**979.113.859.889**	**715.160.139.877**	**(263.953.720.012)**	**1.058.659.359.889**	**748.847.018.761**	**(309.812.341.128)**
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	200.000.000.000	200.000.000.000	-	160.000.000.000	160.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ	341.172.653.889	149.866.622.864	(191.306.031.025)	314.402.153.889	141.014.698.363	(173.387.455.526)
- Công ty TNHH Acendas-Protrade [3]	-	-	-	143.676.000.000	82.538.803.385	(61.137.196.615)
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	88.471.846.000	88.471.846.000	-	88.471.846.000	88.471.846.000	-
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	50.328.000.000	-	(50.328.000.000)	50.328.000.000	-	(50.328.000.000)
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	46.351.795.000	46.351.795.000	-	46.351.795.000	46.351.795.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư XD Tân Phú	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	48.621.375.000	26.301.686.013	(22.319.688.987)	48.621.375.000	26.301.686.013	(22.319.688.987)
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	144.000.000.000	144.000.000.000	-	144.000.000.000	144.000.000.000	-
- Công ty CP Dịch Vụ & Công Nghiệp Bình Dương [4]	-	-	-	2.640.000.000	-	(2.640.000.000)
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	58.668.190.000	58.668.190.000	-	58.668.190.000	58.668.190.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	**505.000.000**	**505.000.000**	-	**505.000.000**	**505.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí vận tải Dầu Tiếng	505.000.000	505.000.000	-	505.000.000	505.000.000	-
	2.178.124.825.027	**1.556.710.063.600**	**(621.414.761.427)**	**1.847.983.088.743**	**1.538.170.747.615**	**(309.812.341.128)**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

[1] Căn cứ Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/08/2016 của Tỉnh Ủy Bình Dương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đồng ý chuyển giao Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương trực thuộc Tổng Công ty về trực thuộc Tỉnh ủy từ ngày 01/10/2016 và chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương về trở thành công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương từ ngày 01/10/2016.

[2] Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thoái toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

[3] Căn cứ ý kiến Kết luận và chỉ đạo của Thường trực Tỉnh Ủy tại Thông báo số 150-TB/TU ngày 23/08/2016 về chủ trương đồng ý cho Tổng Công ty nhận chuyển nhượng phần lợi ích từ phía đối tác Ascendas Vietnam Properties Pte Ltd trong Công ty TNHH Ascendas - Protrade. Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 16/09/2016 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên về việc phê duyệt dự án đầu tư, Tổng Công ty (Bên mua) và Ascendas Vietnam Properties Pte Ltd đã ký Hợp đồng mua bán vốn góp ngày 31/10/2016, theo đó Tổng Công ty nhận chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 18.817.839 USD, nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Ascendas - Protrade sau khi nhận chuyển nhượng là 100%. Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng vốn góp, Công ty TNHH Ascendas - Protrade đã chuyển đổi loại hình sở hữu và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.

[4] Khoản đầu tư Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ trong năm 2016.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch D&M	Tỉnh Bình Thuận	100,00%	91,67%	Dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống
- KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	SX XNK hàng sợi, vải, may mặc..
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	SX, KD sản phẩm từ giấy
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
- Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh sân Golf

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	40,00%	40,00%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	29,46%	35,00%	KD BĐS, kinh doanh sân golf
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%	Dịch vụ y tế
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	SXKD SP từ gỗ, KD Hạ tầng KCN
- Công ty TNHH Đầu tư XD Tân Phú	Tỉnh Bình Dương	2,36%	30,00%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ Logistic
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	KD Bất động sản, KD sân golf
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất KD hàng may mặc

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Cơ khí vận tải Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	2,10%	2,10%	Vận chuyển và gia công cơ khí

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú (*)	133.158.864.505	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành (*)	26.163.823.840	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	4.945.139.918	12.945.139.918
- Công ty TNHH Acendas-Protrade	-	63.814.579.904
- Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	-	25.918.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.006.466.560	4.088.690.306
	169.274.294.823	**106.766.410.128**
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	9.951.606.478	106.766.410.128
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	159.322.688.345	-
	169.274.294.823	**106.766.410.128**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	**164.267.828.263**	**76.759.719.822**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

(*) Khoản phải thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước tiền mua cây cảnh	16.265.000.000	14.997.000.000
- *Ông Phan Xuân Thông*	*310.000.000*	*600.000.000*
- *Ông Bùi Thanh Hải*	*15.955.000.000*	*14.397.000.000*
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Sông Bé ELECTRIC	-	3.725.647.000
Khác	9.026.929.529	8.788.446.520
	25.291.929.529	**27.511.093.520**

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	658.480.000.000	589.480.000.000
+ Cho vay tính lãi (1)	*634.480.000.000*	*565.480.000.000*
+ Ứng vốn bằng tiền	*24.000.000.000*	*24.000.000.000*
- Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành (2)	76.058.750.000	28.658.750.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE (3)	20.581.817.619	22.335.000.000
- Đối tượng khác	3.025.651.020	2.525.651.020
	758.146.218.639	**642.999.401.020**
b) Dài hạn		
- Công ty TNHH Ascendas - Protrade (4)	-	159.695.250.000
- Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade (4)	261.073.387.545	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M (5)	9.896.049.652	9.896.049.652
	270.969.437.197	**169.591.299.652**
c) Phải thu về cho vay là bên liên quan	**765.016.617.271**	**810.065.049.652**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

(1) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm các Hợp đồng chi tiết như sau:

- Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 16/2016/HĐVV ngày 03/02/2016 thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8,7 %/ năm (áp dụng từ 01/01/2016 - 30/06/2016) và 8% (áp dụng từ 01/07/2016 - 31/12/2016). Số dư tại thời điểm 31/12/2016 là 69.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 11/2012/HĐVV ngày 01/03/2012; Hợp đồng vay vốn số 12/2013/HĐVV ngày 05/01/2013; Hợp đồng vay vốn số 13/2014/HĐVV ngày 08/01/2014; Hợp đồng vay vốn số 01/2015/HĐVV ngày 06/01/2015; Hợp đồng vay vốn số 02/2015/HĐVV ngày 06/01/2015 và Phụ lục hợp đồng số /2016/PLHĐVV ngày 02/01/2016 thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 8,70 %/ năm tính từ 01/01/2016 - 30/06/2016 và lãi suất này được điều chỉnh vào ngày 01/07/2016 nếu có sự thay đổi dựa trên mức lãi suất cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV Bình Dương. Số dư tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 141.830.000.000 đồng, 154.850.000.000 đồng, 140.800.000.000 đồng, 103.000.000.000 đồng và 25.000.000.000 đồng.

(2) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm các Hợp đồng chi tiết như sau:

- Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8,7 %/ năm (điều chỉnh vào ngày 30/06 hằng năm). Số dư tại thời điểm 31/12/2016 là 47.400.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn ngày 13/01/2014; Hợp đồng vay vốn ngày 23/01/2015 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 31/12/2015 thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8,70 %/ năm. Số dư tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 7.541.750.000 đồng và 21.117.000.000 đồng.

(3) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2015 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH YCH-PROTRADE về việc chuyển số tiền 905,889.86 USD (tương đương 20.581.817.619 đồng) mà YCH còn nợ Tổng Công ty thành khoản vay với thời hạn vay 1 năm (kể từ ngày 28/10/2015), Lãi suất : 0%/năm.

(4) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay ngày 31/10/2016, thời hạn cho vay là 12 tháng với lãi suất 0%/năm. Trong năm, Công ty TNHH Ascendas - Protrade đã chuyển đổi loại hình sở hữu và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade.

(5) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M về cho mượn nợ triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty Cổ phần Du lịch D&M làm chủ đầu tư.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	-	-
- Phải thu về tạm ứng [1]	163.187.592.624	-	145.156.945.992	-
- Phải thu BHXH	1.395.934	-	-	-
- Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Châu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP BĐS Dapark	6.600.000.000	(6.600.000.000)	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Phải thu Ông Huỳnh Văn Nghi	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Lãi dự thu	11.417.680.558	-	7.718.374.547	-
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	*11.413.263.891*	-	*7.614.376.259*	-
+ Tổ chức tín dụng	*4.416.667*	-	*103.998.288*	-
- Phải thu Công ty CP Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quốc tế Hạnh Phúc [2]	91.549.088.299	-	101.877.398.716	-
+ Tiền thuê đất	*9.279.681.688*	-	*7.706.993.605*	-
+ Lãi vay	*82.269.406.611*	-	*94.170.405.111*	-
- Phải thu Công ty CP Hưng Vượng	4.097.333.334	-	4.483.503.158	-
+ Lãi vay	*4.097.333.334*	-	*4.097.333.334*	-
+ Khác	-	-	*386.169.824*	-
- Phải thu Công ty TNHH YCH - Protrade tiền chi hộ	180.000.000	-	-	-
- Phải thu quỹ lương ban điều hành	-	-	6.330.211.139	-
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	23.061.072.344	-	17.185.210.010	-
- Công ty TNHH Thực Phẩm Và Nước Giải Khát Dutch Lady Việt Nam tiền lãi liên doanh	-	-	90.000.000.000	-
- Phải thu khác	287.207.587	(11.900.000)	245.283.503	(11.900.000)
	301.781.370.680	**(6.611.900.000)**	**380.796.927.065**	**(6.611.900.000)**
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng [3]	312.818.524.893	-	307.517.682.812	-
- Ông Trương Hồng Phong [4]	793.562.000	-	793.562.000	-
	313.615.086.893	**-**	**308.314.244.812**	**-**

(1) Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2016 bao gồm khoản tạm ứng của nhân viên Nguyễn Ngọc Loan tiền công tác, phí văn phòng và chi phí của các dự án số tiền 144.585.879.138 VND (số dư tại ngày 31/12/2015 là 129.727.895.141 VND).

(2) Căn cứ Biên bản làm việc ngày 31/12/2016 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc về việc điều chỉnh lãi suất của các Hợp đồng vay vốn đang có hiệu lực. Theo đó, tổng giá trị lãi vay lũy kế được điều chỉnh giảm theo lãi suất đã điều chỉnh là 63,004 tỷ đồng.

(3) Đây là khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hai hợp đồng đảm bảo giá trị ngoại tệ tương lai số 01/2011/PRO-PJ ngày 06 tháng 06 năm 2011 và số 02/2011/PRO-PJ ngày 20 tháng 09 năm 2011, theo hai hợp đồng này, Tổng Công ty sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương căn cứ vào tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM cho từng lần chuyển tiền sẽ chuyển cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng tiền VND với tổng giá trị tương ứng 13.880.000,00 USD và Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ đảm bảo trả lại toàn bộ số USD này khi đến hạn cũng theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh TP. HCM tại từng thời điểm chuyển tiền. Số tiền lũy kế đến 31/12/2016 Tổng Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hợp đồng đã ký quy đổi ra ngoại tệ tương ứng 13.768.420,99 USD. Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ đảm bảo hoàn lại số USD này khi đến hạn vào năm 2020 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 03/11/2015.

(4) Khoản phải thu về ứng trước tiền đền bù đất đang chờ hồ sơ quyết toán thuộc dự án khu dân cư Gò Chai.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Phục Hưng	-	-	25.918.000.000	-
+ Ông Phan Thanh Nam	1.643.850.000	-	1.643.850.000	493.155.000
+ Ông Trần Minh Đoạt	11.900.000	-	11.900.000	-
+ Công ty TNHH Thiết kế & Tư vấn XD SQ	50.000.000	-	50.000.000	-
+ Công ty CP Tư Vấn XD Công Nghiệp & Đô Thị Việt Nam (VCC)	311.100.000	-	311.100.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
+ Công ty TNHH YCH - PROTRADE	4.945.139.918	4.945.139.918	12.945.139.918	6.472.569.959
+ Công Ty DUONG NGEAP	4.255.965.360	-	4.255.965.360	-
+ Đối tượng khác	972.500.000	30.000.000	772.500.000	-
	18.790.455.278	**4.975.139.918**	**52.508.455.278**	**6.965.724.959**

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.646.405.894	(125.608.846)	1.850.461.440	(125.858.846)
Công cụ, dụng cụ	48.483.525	-	36.941.275	-
Thành phẩm	8.297.092	-	5.009.080	-
Hàng hoá	141.070.620.056	-	22.024.243.880	-
	142.773.806.567	**(125.608.846)**	**23.916.655.675**	**(125.858.846)**

11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án khu quy hoạch Gò Chai	94.631.146.233	94.041.892.979
- Dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương [(1)]	280.925.967.298	393.752.378.200
- Dự án Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây	289.454.883.790	252.173.360.782
- Dự án Khu Nhà ở Thôn Vạn Hạnh, huyện Tân Thành, Tỉnh BR-VT	8.132.767.888	8.132.767.888
- Dự án đất Gio An, P.5, Đà Lạt	-	2.556.040.909
- Mua đất Vũng Tàu - Công ty Bắc Sơn	12.297.722.039	11.797.722.039
- Dự án nhà ở công nhân Công ty May - Block 2	1.698.259.039	1.698.259.039
- Dự án trại heo chất lượng cao tại Phú Giáo [(2)]	-	3.459.065.430
- Dự án Khu phức hợp Dịch vụ và Công nghiệp Bình Dương Riverside	2.898.625.454	-
- Mua đất Vĩnh Phú	8.460.000.000	-
- Công trình khác	3.126.606.900	2.654.426.939
	701.625.978.641	**770.265.914.205**

[(1)] Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

[(2)] Ngày 25/07/2016, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương đã ban hành Công văn số 2603/UBND-KTN về việc chấp thuận dừng thực hiện Dự án khu trung tâm chăn nuôi chất lượng cao tại xã Tam Lập, huyện Phú Giáo theo kiến nghị của Tổng Công ty. Chi phí đầu tư lũy kế của dự án được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	34.774.186.522	13.070.823.797	15.649.502.930	261.503.416	1.139.666.963	64.895.683.628
- Mua trong năm	-	-	255.000.000	-	-	255.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	460.928.026	486.629.585	-	-	-	947.557.611
- Nhận bàn giao từ Công ty TNHH Thắng Lợi	322.859.959	-	-	-	-	322.859.959
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án	(1.043.337.790)	(263.967.755)	-	-	(788.231.430)	(2.095.536.975)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(344.525.236)	-	-	(344.525.236)
Số dư cuối năm	**34.514.636.717**	**13.293.485.627**	**15.559.977.694**	**261.503.416**	**351.435.533**	**63.981.038.987**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.433.556.124	12.171.348.537	11.097.822.632	211.129.931	427.227.022	46.341.084.246
- Khấu hao trong năm	1.450.140.591	412.870.013	1.100.044.904	10.245.456	55.580.426	3.028.881.390
- Nhận bàn giao từ Công ty TNHH Thắng Lợi	225.807.644	-	-	-	-	225.807.644
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án	(1.043.337.790)	(206.096.926)	-	-	(131.371.915)	(1.380.806.631)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(344.525.236)	-	-	(344.525.236)
Số dư cuối năm	**23.066.166.569**	**12.378.121.624**	**11.853.342.300**	**221.375.387**	**351.435.533**	**47.870.441.413**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	12.340.630.398	899.475.260	4.551.680.298	50.373.485	712.439.941	18.554.599.382
Tại ngày cuối năm	**11.448.470.148**	**915.364.003**	**3.706.635.394**	**40.128.029**	**-**	**16.110.597.574**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.867.107.739 VND

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.304.614.058	130.850.237	78.435.464.295
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương	(471.518.880)	-	(471.518.880)
Số dư cuối năm	**77.833.095.178**	**130.850.237**	**77.963.945.415**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.176.029.498	130.850.237	5.306.879.735
- Khấu hao trong năm	2.047.563.005	-	2.047.563.005
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương	(321.545.709)	-	(321.545.709)
Số dư cuối năm	**6.902.046.794**	**130.850.237**	**7.032.897.031**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	73.128.584.560	-	73.128.584.560
Tại ngày cuối năm	**70.931.048.384**	**-**	**70.931.048.384**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 130.850.237 VND

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	91.867.616.133	26.923.736.164	118.791.352.297
- Mua trong năm	78.000.000.000	-	78.000.000.000
Số dư cuối năm	**169.867.616.133**	**26.923.736.164**	**196.791.352.297**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.091.698.595	7.124.838.235	8.216.536.830
- Khấu hao trong năm	697.434.336	1.076.949.444	1.774.383.780
Số dư cuối năm	**1.789.132.931**	**8.201.787.679**	**9.990.920.610**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	90.775.917.538	19.798.897.929	110.574.815.467
Tại ngày cuối năm	**168.078.483.202**	**18.721.948.485**	**186.800.431.687**

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	37.783.522	130.458.436
- Chi phí sửa chữa	-	21.847.999
- Các chi phí khác	-	17.831.297
	37.783.522	**170.137.732**
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.091.296.539	400.888.830
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	437.465.927
- Chi phí thẻ hội viên sân Golf Phú Mỹ	2.102.008.929	2.154.889.653
- Các chi phí khác	40.846.456	86.125.000
	3.234.151.924	**3.079.369.410**

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**914.680.834.164**	**914.680.834.164**	**2.109.381.570.633**	**2.256.638.441.814**	**767.423.962.983**	**767.423.962.983**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương [(1)]	610.375.581.716	610.375.581.716	1.578.742.810.480	1.518.118.392.196	671.000.000.000	671.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TPHCM [(2)]	76.412.023.610	76.412.023.610	29.664.407.153	89.652.467.780	16.423.962.983	16.423.962.983
- Văn Phòng Tỉnh Uỷ Bình Dương [(3)]	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi VIFACO [(4)]	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Bình Dương	3.725.647.000	3.725.647.000	500.974.353.000	504.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Sài Gòn	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương	19.000.000.000	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	13.000.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Cao Su Bến Cát	12.167.581.838	12.167.581.838	-	12.167.581.838	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**91.659.000.000**	**91.659.000.000**	**251.981.034.491**	**179.659.000.000**	**163.981.034.491**	**163.981.034.491**
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương	88.000.000.000	88.000.000.000	189.350.000.000	176.000.000.000	101.350.000.000	101.350.000.000
- Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Bình Dương	3.659.000.000	3.659.000.000	32.631.034.491	3.659.000.000	32.631.034.491	32.631.034.491
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	1.006.339.834.164	**1.006.339.834.164**	**2.361.362.605.124**	**2.436.297.441.814**	**931.404.997.474**	**931.404.997.474**

b) **Vay dài hạn**

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương [5]	194.600.000.000	194.600.000.000	589.350.000.000	342.600.000.000	441.350.000.000	441.350.000.000
- Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Bình Dương [6]	6.290.034.491	6.290.034.491	182.631.034.491	36.290.034.491	152.631.034.491	152.631.034.491
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương [7]	-	-	87.251.345.014	30.000.000.000	57.251.345.014	57.251.345.014
- Nợ dài hạn	12.516.919.796	12.516.919.796	-	12.516.919.796	-	-
	213.406.954.287	**213.406.954.287**	**859.232.379.505**	**421.406.954.287**	**651.232.379.505**	**651.232.379.505**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(91.659.000.000)	(91.659.000.000)	(251.981.034.491)	(179.659.000.000)	(163.981.034.491)	(163.981.034.491)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**121.747.954.287**	**121.747.954.287**	**607.251.345.014**	**241.747.954.287**	**487.251.345.014**	**487.251.345.014**

c) **Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2016		01/01/2016	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Văn Phòng Tỉnh Uỷ Bình Dương	Chủ sở hữu	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-
- Công ty Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	-	19.000.000.000	782.246.026
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	-	-	13.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cao Su Bến Cát	Công ty con	-	-	12.167.581.838	1.284.126.750
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi VIFACO	Công ty con	5.000.000.000	889.620.747	5.000.000.000	3.199.096.472
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	57.251.345.014	895.468.909	-	-
Nợ dài hạn					
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	-	-	12.516.919.796	-
		137.251.345.014	**1.785.089.656**	**136.684.501.634**	**5.265.469.248**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Số dư tại ngày 31/12/2016 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 18/2016/4486227/HĐTD ngày 17/08/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 8 theo HĐ số MS-20160519 ngày 19/05/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 12.000.000.000 đồng.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 19/2016/4486227/HĐTD ngày 05/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 8 theo HĐ số MS-20160519 ngày 19/05/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 25.000.000.000 đồng.

1.3 Hợp đồng tín dụng số 20/2016/4486227/HĐTD ngày 09/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 28.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 10 theo HĐ số MS-20160519 ngày 19/05/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 28.000.000.000 đồng.

1.4 Hợp đồng tín dụng số 21/2016/4486227/HĐTD ngày 15/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 1 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 20.000.000.000 đồng.

1.5 Hợp đồng tín dụng số 22/2016/4486227/HĐTD ngày 19/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 2 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 25.000.000.000 đồng.

1.6 Hợp đồng tín dụng số 23/2016/4486227/HĐTD ngày 26/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 3 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 30.000.000.000 đồng.

1.7 Hợp đồng tín dụng số 25/2016/4486227/HĐTD ngày 27/10/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 5 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 5.000.000.000 đồng.

1.8 Hợp đồng tín dụng số 26/2016/4486227/HĐTD ngày 14/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 6 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 40.000.000.000 đồng.

1.9 Hợp đồng tín dụng số 27/2016/4486227/HĐTD ngày 23/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 62.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 6 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 21.000.000.000 đồng.

1.10 Hợp đồng tín dụng số 29/2016/4486227/HĐTD ngày 15/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 1 theo HĐ số MS-20151215 ngày 15/12/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 150.000.000.000 đồng.

1.11 Hợp đồng tín dụng số 32/2016/4486227/HĐTD ngày 27/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 7 theo HĐ số MS-20160912 ngày 12/09/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 15.000.000.000 đồng.

1.12 Hợp đồng tín dụng số 31/2016/4486227/HĐTD ngày 26/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 1 theo HĐ số MS-20161226 ngày 26/12/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 150.000.000.000 đồng.

1.13 Hợp đồng tín dụng số 30/2016/4486227/HĐTD ngày 20/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 1 theo HĐ số MS-20161220 ngày 20/12/2016;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị TSĐB là 870.000.000.000 VND;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 150.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 16.2670067/2016-HĐTDHM/NHCT900-PROTRADE ngày 12/01/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTD số 16.2170020/2015-HĐTD-SDDBS01/NHCT900-PROTRADE, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 18.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Thời hạn cho vay: 8 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Hợp đồng thế chấp số 07.792001-01/HĐTCTS ngày 26/10/2007 và Hợp đồng thế chấp số 15.2670032/HĐTC - NHCT900-PROTRADE CORP ngày 03/11/2015 với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 58.594.000.000 đồng;
- Dư nợ gốc đến 31.12.2016 là 16.423.962.983 đồng.

(3) Hợp đồng vay vốn số 02-HĐ/VV ngày 06/04/2011, Hợp đồng vay vốn số 03-HĐ/VV ngày 24/08/2011 và Hợp đồng vay vốn số 10-HĐ/VV ngày 03/10/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 75.000.000.000 đồng.

(4) Số dư tại ngày 31/12/2016 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

4.1 Hợp đồng vay vốn số 56/HĐVV và phụ lục hợp đồng ngày 25/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 2.000.000.000 đồng.

4.2 Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 12/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8,7%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 3.000.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Số dư tại ngày 31/12/2016 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

5.1 Hợp đồng vay vốn trung và dài hạn số 01/446227/HĐTD ngày 13/11/2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- Số tiền ngân hàng cho vay: 315.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư nhận chuyển nhượng vốn chủ sở hữu bên nước ngoài của Công ty TNHH Goft Palm Sông Bé;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
  + Quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diện tích 377.630,9 m2. Trị giá tài sản thế chấp 283.223.000.000 đồng;
  + Quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diện tích 995.928,5 m2. Trị giá tài sản thế chấp 631.100.000.000 đồng;
  + Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ quyền phát sinh từ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất sân Goft Palm Sông Bé, diện tích 104 ha;
  + Thế chấp toàn bộ các nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ sân Goft và các khoản doanh thu dịch vụ khác đi kèm;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2016 là 101.350.000.000 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 101.350.000.000 đồng.

5.2 Hợp đồng tín dụng số 01/2016/446227/HĐTD ngày 09/12/2016 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 400.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư nhận chuyển nhượng vốn chủ sở hữu bên nước ngoài của Công ty TNHH Ascendas-Protrade;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 10,5%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
  + Quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HDTC ngày 20/01/2014 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HDTC ngày 27/06/2012;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2016 là 340.000.000.000 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 0 đồng.

(6) Số dư tại ngày 31/12/2016 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

6.1 Hợp đồng vay vốn số 05/2008/HĐTD với các thông tin chi tiết sau:

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà ở Công nhân may;
- Thời hạn cho vay: 10 năm;
- Lãi suất cho vay: 0,3%/tháng;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
  + Quyền sử dụng đất thuê số T313058 do UBND Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/09/2001 (vào sổ số 10001 QSDĐ/2001). Diện tích 65.803,2 m2, tổng giá trị theo Biên bản làm việc về kiểm tra tình hình tài sản thế chấp ngày 30/11/2016 là 18.849.606.841 đồng;
  + Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án có tổng giá trị đạt tỷ lệ trên 131% mức vốn vay, bao gồm: giá trị công trình xây dựng cơ bản là 75.498.142.000 đồng, máy móc thiết bị là 3.308.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2016 là 2.631.034.491 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 2.631.034.491 đồng.

6.2 Hợp đồng tín dụng số 08 ngày 18/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 300.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán tiền nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Ascendas - Protrade;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
  + Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Ascendas Protrade của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 750.000.000.000 đồng;
  + Nguồn thu từ cho thuê đất khu công nghiệp của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 600.000.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2016 là 150.000.000.000 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 30.000.000.000 đồng.

(7) Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 03/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 87.251.345.014 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: căn cứ lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc đến 31/12/2016 là 57.251.345.014 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 30.000.000.000 đồng.

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư				
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	124.163.944.983	124.163.944.983	-	-
- Công ty TNHH Bonsai Minh Thùy	-	-	14.395.150.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.240.312.818	2.240.312.818	2.734.770.256	2.734.770.256
	126.404.257.801	**126.404.257.801**	**17.129.920.256**	**2.734.770.256**
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	**125.360.479.222**	**125.360.479.222**	**1.269.996.757**	**1.269.996.757**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Phát Triển [1]	30.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần An Bình [2]	115.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản U&I [3]	33.473.519.613	-
- Các khách hàng khác	13.919.900	18.222.661
	178.487.439.513	**18.222.661**

[1] Số tiền Công ty TNHH Phát Triển ứng trước để nhận chuyển giao Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, tổng diện tích khu đất là 83.852,1 m^2 theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016.

[2] Số tiền Công ty Cổ phần An Bình ứng trước để nhận chuyển giao Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, tổng diện tích khu đất là 150.000 m^2 theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016.

[3] Số tiền Công ty Cổ phần Bất động sản U&I ứng trước để nhận chuyển giao diện tích đất đã được Tổng Công ty thực hiện đền bù tại Khu quy hoạch Gò Chai, Phường Bình Hòa, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m^2 theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 14/10/2016.

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	62.516.861.944	56.999.122.522	101.658.066.306	-	17.857.918.160
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.542.510	-	35.199.824.328	-	-	35.049.281.818
- Thuế thu nhập cá nhân	-	344.891.516	2.636.637.277	2.636.987.777	-	344.541.016
- Thuế tài nguyên	-	1.460.000	43.918.960	43.444.880	-	1.934.080
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	172.554.283	-	33.304.885.445	33.065.024.808	-	67.306.354
- Các loại thuế khác	-	273.622.833	757.297.528	928.696.784	-	102.223.577
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.538.545.480	5.000.000	5.000.000	-	18.538.545.480
	323.096.793	**81.675.381.773**	**128.946.686.060**	**138.337.220.555**	**-**	**71.961.750.485**

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.014.407.936	7.359.695.139
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	384.384.152.327	150.481.481.354
	387.398.560.263	**157.841.176.493**

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.821.707.462	1.244.307.462
- Mượn nợ vốn hoạt động	-	6.340.460.896
+ *Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú*	-	*1.840.460.896*
+ *Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé*	-	*4.500.000.000*
- Phần lợi nhuận phải nộp về chủ sở hữu	523.153.181.302	407.389.104.661
- Phải trả tiền lãi vay	1.785.089.656	9.704.068.515
+ *Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát*	-	*1.284.126.750*
+ *Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco*	*889.620.747*	*3.199.096.472*
+ *Công ty TNHH MTV DVCN và Thuốc lá Bình Dương*	-	*782.246.026*
+ *Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương*	*895.468.909*	*4.438.599.267*
- Phải nộp 10% Ngân sách Đảng	20.610.091.815	52.838.759.303
- Phải trả Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tiền mượn vốn	-	87.251.345.014
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.573.974	35.000.000
	547.411.644.209	**564.803.045.851**
b) Dài hạn		
- Khoản thu tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu An Tây	56.666.666.667	56.666.666.667
- Phải trả Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành về nhận ứng trước các khoản chi liên quan đến khu đất liên hợp [(1)]	-	276.970.666.903
- Phải trả Công ty KP APPARELL MANUFACTURING Co.LTD về nhận nợ thay Công ty TNHH 1 thành viên May Bình Dương tiền mua máy móc thiết bị và thu hộ tiền cho thuê nhà xưởng	75.564.600.351	74.288.059.275
- Công ty TNHH Đầu Tư - Xây Dựng Tân Phú ứng trước tiền chuyển nhượng đất tại dự án Khu Liên hợp [(2)]	-	60.000.000.000
	132.231.267.018	**467.925.392.845**

[(1)] Thông tin chi tiết tại mục a, Thuyết minh số 34.

[(2)] Thông tin chi tiết tại mục b, Thuyết minh số 34.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**1.350.000.000.000**	**61.451.751.596**	**310.600.920.357**	**1.722.052.671.953**
Lãi trong năm	-	-	221.445.954.018	221.445.954.018
Trích lập các quỹ	-	93.180.276.107	(93.180.276.107)	-
Trích nộp ngân sách Đảng từ Lợi nhuận năm 2014	-	-	(30.256.122.297)	(30.256.122.297)
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	-	-	(182.388.759.220)	(182.388.759.220)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.775.762.733)	(4.775.762.733)
Nhận bàn giao tài sản từ Công ty Thắng Lợi	-	1.496.486.831	-	1.496.486.831
Tăng vốn từ Cổ phần hóa Công ty May mặc Bình Dương	-	129.835.877.220	-	129.835.877.220
Số dư cuối năm trước	**1.350.000.000.000**	**285.964.391.754**	**221.445.954.018**	**1.857.410.345.772**
Lãi trong năm	-	-	226.016.590.235	226.016.590.235
Trích lập các quỹ	-	66.433.786.206	(66.433.786.206)	-
Trích nộp ngân sách Đảng từ Lợi nhuận năm 2015	-	-	(20.610.091.815)	(20.610.091.815)
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	-	-	(127.073.947.737)	(127.073.947.737)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.328.128.260)	(7.328.128.260)
Nhận bàn giao tài sản từ Công ty Thắng Lợi	-	97.052.315	-	97.052.315
Bàn giao tài sản cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương [1]	-	(3.025.557.468)	-	(3.025.557.468)
Bàn giao các khoản đầu tư cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương [1]	-	(156.023.814.526)	-	(156.023.814.526)
Điều chỉnh giảm lãi cho vay Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc [2]	-	-	(26.000.679.833)	(26.000.679.833)
Lợi nhuận từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần Công ty CP Hưng Vượng [3]	-	-	27.148.260.000	27.148.260.000
Số dư cuối năm nay	**1.350.000.000.000**	**193.445.858.281**	**227.164.170.402**	**1.770.610.028.683**

(1) Căn cứ Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/08/2016 của Tỉnh Ủy Bình Dương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đồng ý chuyển giao Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương trực thuộc Tổng Công ty về trực thuộc Tỉnh ủy từ ngày 01/10/2016 và chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương về trở thành công ty con của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương từ ngày 01/10/2016. Giá trị chuyển giao chi tiết như sau:

Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	19.800.000.000
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	11.845.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương	74.378.814.526
Tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.025.557.468
Tổng	**159.049.371.994**

(2) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 08.

(3) Khoản thu nhập phát sinh từ chuyển nhượng quyền mua 2.714.826 cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng cho Công đoàn Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền mua cổ phần ngày 30/11/2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Vốn góp Nhà nước	100,00	1.350.000.000.000	100,00	1.350.000.000.000
	100	**1.350.000.000.000**	**100**	**1.350.000.000.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*1.350.000.000.000*	*1.350.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*1.350.000.000.000*	*1.350.000.000.000*

d) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	193.445.858.281	285.964.391.754
	193.445.858.281	**285.964.391.754**

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đô la Mỹ (USD)	24.877,20	24.961,90

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	30.414.184.620	28.533.461.999
Doanh thu kinh doanh bất động sản	531.284.003.719	638.145.799.040
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.363.712.036	5.344.690.480
	568.061.900.375	**672.023.951.519**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	25.727.363.751	25.038.032.994
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.202.264.541	2.059.471.529
Giá vốn kinh doanh bất động sản	349.284.882.081	635.208.540.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85.067.165	-
	376.299.577.538	**662.306.045.358**

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.988.341.418	40.455.393.293
Lãi bán các khoản đầu tư	202.402.243.370	11.028.674.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	291.808.637.419	391.766.266.835
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.033.243.537	18.601.750.915
	520.232.465.744	**461.852.085.043**

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	102.662.385.358	88.833.026.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	86.401.229
Dự phòng tổn thất đầu tư	311.602.420.299	106.377.254.678
Chi phí tài chính khác	678.927.088	2.513.330
	414.943.732.745	**195.299.195.798**

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	447.812.686	1.483.945.782
Chi phí nhân công	24.093.273.989	23.492.911.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.729.619.737	2.018.715.386
Hoàn nhập/Chi phí dự phòng	(31.727.414.959)	11.829.805.319
Thuế, phí, lệ phí	535.442.129	558.834.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.001.883.059	17.415.117.038
Chi phí khác bằng tiền	8.459.489.075	9.326.701.299
	29.540.105.716	**66.126.030.993**

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.349.200.480
Tiền phạt thu được	-	9.196.608.590
Thu nhập khác	150.017.377	713.858.997
	150.017.377	**12.259.668.067**

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí đầu tư Dự án khu chăn nuôi chất lượng cao (*)	4.162.806.513	-
Các khoản bị phạt	153.195.344	-
Chi phí khác	6.535.151	1.191.850
	4.322.537.008	**1.191.850**

(*) Thông tin chi tiết tại mục 2, Thuyết minh số 11.

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	80.417.292.925	221.445.954.018
Các khoản điều chỉnh tăng	13.218.283.323	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(291.808.637.419)	(391.766.266.835)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(198.173.061.171)	(170.320.312.817)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(150.542.510)	(150.542.510)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	**(150.542.510)**	**(150.542.510)**
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	181.999.121.638	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	181.999.121.638	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**36.399.824.328**	-
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	1.200.000.000	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	**35.199.824.328**	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.399.824.328	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**35.049.281.818**	**(150.542.510)**

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.078.404.387	-	152.490.332.014	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	784.670.752.396	(13.815.315.360)	795.877.582.005	(45.542.730.319)
Các khoản cho vay	1.029.115.655.836	-	812.590.700.672	-
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-	505.000.000	-
	1.951.369.812.619	**(13.815.315.360)**	**1.761.463.614.691**	**(45.542.730.319)**

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.418.656.342.488	1.128.087.788.451
Phải trả người bán, phải trả khác	806.047.169.028	1.049.858.358.952
Chi phí phải trả	387.398.560.263	157.841.176.493
	2.612.102.071.779	**2.335.787.323.896**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.078.404.387	-	-	137.078.404.387
Phải thu khách hàng, phải thu khác	297.917.661.798	472.937.775.238	-	770.855.437.036
Các khoản cho vay	758.146.218.639	270.969.437.197	-	1.029.115.655.836
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-	-	505.000.000
	1.193.647.284.824	**743.907.212.435**	-	**1.937.554.497.259**
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.490.332.014	-	-	152.490.332.014
Phải thu khách hàng, phải thu khác	442.020.606.874	308.314.244.812	-	750.334.851.686
Các khoản cho vay	642.999.401.020	169.591.299.652	-	812.590.700.672
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-	-	505.000.000
	1.238.015.339.908	**477.905.544.464**	-	**1.715.920.884.372**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	931.404.997.474	487.251.345.014	-	1.418.656.342.488
Phải trả người bán, phải trả khác	673.815.902.010	132.231.267.018	-	806.047.169.028
Chi phí phải trả	387.398.560.263	-	-	387.398.560.263
	1.992.619.459.747	**619.482.612.032**	-	**2.612.102.071.779**
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.006.339.834.164	121.747.954.287	-	1.128.087.788.451
Phải trả người bán, phải trả khác	581.932.966.107	467.925.392.845	-	1.049.858.358.952
Chi phí phải trả	157.841.176.493	-	-	157.841.176.493
	1.746.113.976.764	**589.673.347.132**	-	**2.335.787.323.896**

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a)	**Số tiền đi vay thực thu trong năm**		
	Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	2.968.613.950.138	1.059.395.111.461
b)	**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**		
	Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	2.678.045.396.101	873.910.371.718

34 . THÔNG TIN KHÁC

a) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành

Năm 2007, Tổng Công ty liên doanh với bên nước ngoài là K Source Solution và International Construction để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành với mục đích đầu tư và khai thác dự án "Câu lạc bộ sân golf & Khu nghỉ dưỡng Đảo Hồ Điệp" tại khu đất thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương. Hai đối tác này đã chuyển nhượng lại phần vốn góp này cho Công ty TNHH Phát triển và Công ty Cổ phần Hưng Vượng trong năm 2011, theo đó Công ty TNHH Phát triển và Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ kế thừa các nghĩa vụ pháp lý trong điều khoản của hợp đồng liên doanh đã ký.

Các bên thống nhất định giá khu đất với tổng giá trị khu đất 24.000.000 USD, trong đó 9.000.000 USD là giá trị Tổng Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng đất, còn lại 15.000.000 USD là giá trị còn lại Khu đất sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành hoàn trả cho Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương cho các chi phí mà Tổng Công ty đã chi đối với Khu đất ngoại trừ chi phí đất.

Trong năm 2016, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành đã ký Biên bản thỏa thuận thống nhất tổng diện tích của khu đất Tổng Công ty sẽ bàn giao là 1.450.101,8 m^2, mỗi m2 của khu đất sẽ có giá là 16 USD. Trong đó 6 USD là giá trị quyền sử dụng đất, 10 USD còn lại là giá trị hạ tầng Tổng công ty đã đầu tư trên khu đất. Theo đó:

+ Tổng giá trị quyền sử dụng đất của khu đất là 8.700.611 USD tương đương 139.209.772.800 đồng sẽ được Tổng Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, phần giá trị còn lại thiếu so với cam kết sẽ được Tổng Công ty góp bằng tiền mặt.
+ Giá trị hạ tầng Tổng Công ty đã đầu tư trên khu đất là 14.501.017 USD tương đương 275.576.809.766 đồng được cấn trừ với khoản Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành đã ứng trước cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã xuất hóa đơn phần giá trị hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, doanh thu và giá vốn có liên quan được ghi nhận trên kết quả kinh doanh của năm 2016.

b) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Đầu Tư - Xây Dựng Tân Phú

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã chuyển nhượng khu đất với tổng diện tích 430.000 m^2 tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 250.110.964.496 đồng. Ngày 12/12/2016, Tổng Công ty đã lập Biên bản bàn giao cọc mốc, ranh địa chính cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú, doanh thu và giá vốn có liên quan đến việc chuyển nhượng được ghi nhận trên kết quả kinh doanh của năm 2016.

35 . CAM KẾT KHÁC

Về Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Hạnh Phúc

Tổng Công ty đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc với giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2016 là 50.328.000.000 VND (tại ngày 31/12/2015 là 50.328.000.000 VND), tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát 24%. Theo báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016, hoạt động kinh doanh của Công ty này lỗ vượt vốn 788,193 tỷ VND, mặt khác nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 1.142,9 tỷ VND ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty này qua đó ảnh hưởng đến khả năng thu hồi khoản cho Công ty này vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 số tiền 658,48 tỷ VND (tại ngày 31/12/2015 số tiền 589,48 tỷ VND), khoản phải thu về lãi vay số tiền 82,269 tỷ VND (tại ngày 31/12/2015 là 94,170 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ thu hồi đầy đủ gốc và lãi tương ứng theo hợp đồng.

Tạm ứng

Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2016 bao gồm khoản tạm ứng của nhân viên Nguyễn Ngọc Loan tiền công tác phí, chi phí văn phòng và chi phí dự án số tiền 144.585.879.138 VND (số dư tại ngày 31/12/2015 là 129.727.895.141 VND), Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ đôn đốc CBCNV quyết toán tạm ứng theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Trả trước người bán

Số dư trả trước người bán tại ngày 31/12/2016 bao gồm khoản trả trước tiền mua cây cảnh với tổng số tiền 16,265 tỷ VND (tại ngày 31/12/2015 là 14,997 tỷ VND) với mục đích mua cây kiểng trang trí và kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ yêu cầu nhà cung cấp quyết toán giá trị mua cây kiểng này theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty liên kết của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 209,7 tỷ đồng lên 1.224,794 tỷ đồng bằng cách bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường trong tháng 05/2017. Tổng Công ty đã mua 80.075.000 cổ phần với tổng giá trị 800,75 tỷ đồng, nâng tỷ lệ vốn góp lên 69,49% vốn điều lệ tương đương với 851,078 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 13 ngày 12/05/2017. Hiện nay, các bên tham gia góp vốn thành lập bệnh viện đã thỏa thuận chuyển nhượng 60% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ sức khỏe Hoàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng được lập ngày 10/05/2017.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Góp vốn			
- Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	26.770.500.000	59.413.500.000
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	40.000.000.000	-
- Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Công ty con	428.859.000.000	-
Thoái vốn			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	56.823.500.000	-
- Công ty CP Dịch Vụ & Công Nghiệp Bình Dương	Công ty liên kết	2.640.000.000	-
Nhận cổ tức			
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	8.892.896.823	5.801.640.783
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	1.328.684.890	-
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	Công ty con	1.664.520.000	1.109.680.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	10.186.416.000	13.708.800.000
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	210.000.000.000	360.000.000.000
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	2.781.108.000	7.879.806.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	8.800.228.500	948.900.052
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	275.577.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư XD Tân Phú	Công ty liên kết	250.111.000.000	-
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	4.933.995.598	3.200.000.000
- Công ty CP Bệnh viện Đa Khoa QT Hạnh Phúc	Công ty liên kết	1.429.716.438	1.403.732.458
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	-	794.580.295

Mua hàng hóa dịch vụ			
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	57.954.275	-
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	1.974.510.288	-
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Công ty liên kết	732.134.056	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	118.251.376.176	-
Chi phí đi vay			
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	1.012.277.778	1.480.099.996
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Công ty con	702.708.359	924.703.860
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	406.666.666	436.952.778
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	5.628.524.739	5.307.790.155
- Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương	Chủ sở hữu	-	6.083.333.333
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	-	428.884.000
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	614.249.999	922.638.886
Lãi cho vay			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	3.798.887.632	1.471.480.928
- Công ty CP Bệnh viện Đa Khoa QT Hạnh Phúc	Công ty liên kết	51.103.005.333	38.539.282.334
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	35.207.822.000	-
Nhận điều chuyển Quỹ Đầu tư phát triển			
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	19.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Công ty con	10.966.794.601	-
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	2.604.416.599	-
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	15.533.072.006	-
Nhận bàn giao tài sản cố định			
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	225.807.644	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	4.945.139.918	12.945.139.918
- Công ty TNHH Acendas-Protrade	Công ty liên kết	-	63.814.579.904
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	26.163.823.840	-
- Công ty TNHH Đầu tư XD Tân Phú	Công ty liên kết	133.158.864.505	-
Phải thu về cho vay			
- Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	658.480.000.000	589.480.000.000
- Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Công ty liên kết	76.058.750.000	28.658.750.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	20.581.817.619	22.335.000.000
- Công ty TNHH Quốc tế Protrade	Công ty liên kết	261.073.387.545	159.695.250.000
- Công ty Cổ phần Du lịch D&M	Công ty con	9.896.049.652	9.896.049.652
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	2.000.000.000	-

Phải thu khác ngắn hạn			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	11.413.263.891	7.614.376.259
- Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	91.549.088.299	101.877.398.716
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	4.097.333.334	4.483.503.158
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	-	90.000.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch D&M	Công ty con	134.000.000	105.000.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	180.000.000	-
- Biên liên quan khác	Ban điều hành	-	6.330.211.139
Phải thu dài hạn khác			
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	312.818.524.893	307.517.682.812
Phải trả người bán			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	124.163.944.983	-
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Công ty liên kết	79.215.940	79.081.959
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	487.273.268	899.426.504
- Công ty cổ phần phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	630.045.031	118.613.294
- Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	-	172.875.000
Phải trả khác ngắn hạn			
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	-	1.840.460.896
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	-	4.500.000.000
- Văn phòng Tỉnh ủy	Chủ sở hữu	556.285.672.072	478.766.409.444
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Công ty con	-	1.284.126.750
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	889.620.747	3.199.096.472
- Công ty TNHH MTV DVCN và Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	782.246.026
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	895.468.909	91.689.944.281
Phải trả dài hạn khác			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	276.970.666.903
- KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Công ty con	75.564.600.351	74.288.059.275
- Công ty TNHH Đầu tư XD Tân Phú	Công ty liên kết	-	60.000.000.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Căn cứ Biên bản ngày 11/07/2017 của Kiểm toán Nhà Nước về kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với Công ty mẹ - Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV. Một số chỉ tiêu tại thời điểm 31/12/2015 được điều chỉnh như sau:

Các nội dung nêu trên ảnh hưởng đến việc trình bày số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a) Bảng cân đối kế toán riêng			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	81.675.381.773	63.136.836.293
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	157.841.176.493	166.435.671.529
- Phải trả ngắn hạn khác	319	564.803.045.851	583.341.591.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	221.445.954.018	212.851.458.982
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Giá vốn hàng bán	11	662.306.045.358	670.900.540.394

Bình Dương, ngày 10 tháng 09 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thế Sự	Trần Nguyên Vũ	Nguyễn Văn Minh

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN